



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 259 + 260

Ngày 01 tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 14-4-2025- | Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 15-4-2025- | Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 23 |

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 21-3-2025- Quyết định số 1107/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 27
- 25-3-2025- Quyết định số 1132/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. 58

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số

62/2020/QH14 về sửa đổi một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật số 48/2014/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính Phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông công chánh tại Tờ trình số 997/TTr-SGTCC ngày 25 tháng 3 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 523/BC-STP ngày 21 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc các Sở, ban-ngành Thành phố, Trưởng các Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về Quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương,
hồ và ao thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các quy định về hành lang bảo vệ trên bờ áp dụng với các trường hợp sau:

- Hành lang của các tuyến đường thủy nội địa địa phương đã được Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hành lang của các tuyến đường thủy nội địa Quốc gia và Hàng hải;
- Hành lang của các tuyến sông, kênh, rạch, hồ thuộc quy hoạch tổng thể tiêu thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hành lang của các hồ, ao được xác định trong danh mục hồ, ao không được san lấp.
- Hành lang của các tuyến sông, kênh, rạch đã tiến hành xây dựng, cải tạo hoàn chỉnh (xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật, bờ kè) theo quy hoạch;
- Hành lang của các tuyến sông, kênh, rạch, mương có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hoạt động sau đây:

1. Quản lý quy hoạch, sử dụng đất, hoạt động xây dựng, khai thác, sử dụng công trình trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao.

2. Nạo vét chỉnh tuyến sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao.

3. Các hoạt động khác trên hành lang bảo vệ trên bờ theo quy định pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Kênh* là công trình dẫn nước tưới tiêu nông nghiệp, sinh hoạt và sản xuất hoặc phục vụ giao thông thủy, tiêu thoát nước.

2. *Rạch* là các tuyến dẫn nước nối các tuyến sông hoặc từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại.

3. *Mương* là công trình dẫn nước có mặt cắt ngang nhỏ, phục vụ thủy lợi (tưới tiêu trong nông, lâm, ngư nghiệp), giao thông, thoát nước.

4. *Hồ*: hồ có chức năng điều tiết nước thuộc hệ thống thoát nước của Thành phố (bao gồm tự nhiên và nhân tạo), hồ điều tiết thuộc quy hoạch chi tiết thoát nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. *Ao* là những vùng nước đọng lại, có thể là do tự nhiên hoặc nhân tạo, có kích cỡ nhỏ hơn hồ.

6. *Hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao* (gọi tắt là *Hành lang bảo vệ trên bờ*) bao gồm hành lang bảo vệ nguồn nước là chiều rộng khu đất nằm dọc hai bên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao được tính từ mép bờ cao quy hoạch hoặc mép bờ cao cải tạo vào bên trong phía đất liền

7. *Mép bờ cao của sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao* là mép bờ cao tự nhiên hoặc quy hoạch hoặc được xây dựng, cải tạo.

8. *Mép bờ cao tự nhiên* là đường giao cắt giữa mái dốc tự nhiên của bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao với mặt đất tự nhiên theo phương nằm ngang.

9. *Mép bờ cao quy hoạch* là đường mép bờ cao giới hạn dọc theo sông, kênh, rạch, mương hoặc bao quanh hồ, ao được cơ quan có thẩm quyền công bố.

10. *Mép bờ cao cải tạo* là tuyến đỉnh kè được xây dựng theo thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền.

11. *Chỉ giới hành lang bảo vệ trên bờ* ranh giữa phần đất bên trong với hành lang bảo vệ trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương, hồ và ao.

12. *Cấp kỹ thuật của sông, kênh, rạch* là cấp kỹ thuật theo phân cấp đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền công bố.

13. *Hành lang bảo vệ luồng* là phần giới hạn của vùng nước hoặc dải đất dọc hai bên luồng để lắp đặt báo hiệu, bảo vệ luồng và bảo đảm an toàn giao thông.

14. *Kè kiên cố* là kè có các loại kết cấu sau:

- a) Tường góc bê tông cốt thép trên nền cọc bê tông cốt thép.
- b) Kè dạng mái nghiêng lát viên bê tông tự chèn, lát đan bê tông cốt thép tựa trên chân khay trên nền cọc bê tông cốt thép.
- c) Kè dạng tường đứng trên nền cọc bê tông cốt thép.
- d) Kè dạng tường cừ bằng kết cấu bê tông cốt thép.
- đ) Kè có kết cấu kết hợp giữa các loại a, b, c, d nêu tại khoản này.

15. *Kè tạm* là kè được xây dựng với đỉnh kè bám theo đường bờ hiện trạng với dạng kết cấu như sau: gia cố bờ sông bằng cừ tràm, cừ dừa, bao tải cát, rọ đá, thảm đá.

16. *Ngày 24 tháng 6 năm 2004*: là ngày có hiệu lực của Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

17. *Ủy ban nhân dân cấp huyện*: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận - huyện trên địa bàn Thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hành lang bảo vệ trên bờ

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc được quy định tại Chương II của Quy định này, phù hợp với quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc sử dụng đất trong hành lang bảo vệ trên bờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai,

pháp luật về tài nguyên nước.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi lấn chiếm, sử dụng đất bất hợp pháp, sử dụng đất không đúng mục đích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc những hành vi gây tác hại xấu, gây sạt lở, làm ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của các công trình xây dựng bảo vệ bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao.

3. Tôn trọng và bảo vệ hiện trạng tự nhiên của bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao.

4. Tùy điều kiện cụ thể từng khu vực quy hoạch, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét cho các tổ chức, cá nhân thuê đất trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ có thời hạn để sử dụng theo đúng nguyên tắc được quy định tại Quy định này, đảm bảo yếu tố bảo vệ bờ sông kết hợp với không gian cảnh quan.

Chương II

PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH, SỬ DỤNG HÀNH LANG BẢO VỆ TRÊN BỜ

Điều 5. Cơ sở, phạm vi và nguyên tắc xác định, sử dụng hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao

1. Cơ sở xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ:

a) Đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, mương, hồ và ao đã được xác định mép bờ cao quy hoạch: căn cứ vào mép bờ cao quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền công bố.

b) Đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, mương, hồ và ao chưa được xác định mép bờ cao quy hoạch: căn cứ ranh bản đồ địa chính số hệ tọa độ VN 2000 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố và cung cấp.

2. Phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ:

TT	Loại sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao	Chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ (m) <i>(tính từ mép bờ cao quy hoạch hoặc mép bờ cao cải tạo vào phía bờ)</i>
1	Các tuyến có chức năng giao thông thủy: a) Cấp đặc biệt, cấp I, cấp II theo phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa và các tuyến Hàng hải: b) Cấp III, cấp IV theo phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa: c) Cấp V, cấp VI theo phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa:	50m/mỗi bên (30m - 50m/mỗi bên) 30m/mỗi bên (20m - 30m/mỗi bên) 20m/mỗi bên (15m - 20m/mỗi bên)
2	Các tuyến sông, kênh, rạch, mương có chức năng tiêu thoát nước thuộc danh mục được cấp thẩm quyền công bố; thuộc quy hoạch chi tiết về thoát nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc được giữ lại theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, quy hoạch phân khu được cơ quan thẩm quyền phê duyệt: a) Chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung hoặc được quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư tập trung: b) Không chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung:	10m/mỗi bên (05m /mỗi bên) 05m/mỗi bên
3	Sông, kênh, rạch, mương thuộc danh mục có chức năng về tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp được cấp thẩm quyền công bố (Không có chức năng giao thông thủy):	05m/mỗi bên

TT	Loại sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao	Chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ (m) <i>(tính từ mép bờ cao quy hoạch hoặc mép bờ cao cải tạo vào phía bờ)</i>
4	Hồ, ao:	10m
Ghi chú: Chỉ sử dụng các giá trị trong ngoặc đơn trong Bảng trên khi đã hoàn thành xây dựng kè kiên cố bảo vệ bờ và hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch.		

3. Nguyên tắc xác định hành lang bảo vệ trên bờ trong một số trường hợp khác:

a) Đối với từng đề án, dự án cụ thể phục vụ chỉnh trang đô thị, phát triển du lịch, phòng chống sạt lở dọc theo các tuyến sông, kênh, rạch có kế hoạch, phương án đầu tư xây dựng kè kiên cố bảo vệ bờ Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ để khai thác hiệu quả quỹ đất dọc sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao. Phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ phải đảm bảo bố trí các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình thủy lợi, đê điều, các công trình khác theo quy hoạch dọc tuyến sông, kênh, rạch và đảm bảo phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, hành lang bảo vệ kè, đập, công trình thủy lợi theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Trường hợp hành lang bảo vệ trên bờ bị chồng lấn trên các tuyến có từ hai chức năng trở lên thì phạm vi tối thiểu của hành lang được xác định theo chức năng có phạm vi tối thiểu rộng nhất.

c) Đối với những đoạn sông, kênh, rạch có mép bờ cao tự nhiên khúc khuỷu, lồi lõm và không đảm bảo yêu cầu tổ chức giao thông đường thủy, yêu cầu tổ chức tiêu thoát nước hoặc yêu cầu tổ chức đường giao thông bộ được thực hiện điều chỉnh hướng tuyến dòng chảy tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

d) Đối với những đoạn sông, kênh, rạch bị sạt lở làm thay đổi hiện trạng mép bờ cao, Sở ngành theo trách nhiệm tại Quy định này chủ trì thực hiện khảo sát, đo đạc, đánh giá diễn biến lòng dẫn, tình trạng sạt lở theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành làm căn cứ xác định và công bố điều chỉnh mép bờ cao phù hợp thực tế.

đ) Đối với trường hợp thay đổi cấp kỹ thuật đường thủy nội địa của các tuyến sông, kênh, rạch dẫn đến thay đổi ranh phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ, thì phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ được xác định theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa nhỏ hơn. (Lưu ý: cấp đặc biệt là cấp đường thủy nội địa lớn nhất, cấp VI là cấp đường thủy nội địa nhỏ nhất).

Điều 6. Các công trình được xây dựng trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ

1. Nhóm công trình xây dựng

a) Đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng công cộng.

b) Công trình chống sạt lở bờ sông, công trình thủy lợi, công trình cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa; công trình nhà quản lý đường thủy nội địa, quản lý cảng bến, quản lý công trình thủy lợi.

c) Công trình công viên, cây xanh, khu thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng cho người dân được tự do tiếp cận.

d) Công trình báo hiệu: hàng hải, đường thủy nội địa, công trình điện, nước, thông tin liên lạc.

đ) Công trình nhà điều hành, nhà chờ, nhà vệ sinh công cộng, khu vực giữ xe của các bến thủy nội địa phục vụ vận tải hành khách công cộng, du lịch đường thủy với mục đích kinh doanh, có quy mô một tầng, kết cấu vật liệu nhẹ.

e) Công trình nhà kho, bãi hàng của các cảng thủy nội địa, cảng biển theo quy hoạch. (Lưu ý: nhà kho không được xây dựng trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ tính từ mép bờ cao trở vào đất liền 20m).

g) Công trình an ninh quốc phòng, phòng cháy chữa cháy.

h) Một số công trình cụ thể khác được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận trên cơ sở các quy định của pháp luật.

2. Nhóm công trình phục vụ hoạt động dịch vụ có thời hạn: thời hạn sử dụng được xác định theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của khu vực đã được phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì thời hạn tối đa 01 năm và được xem xét gia hạn nếu chưa có thông báo (hoặc Quyết định) thu hồi đất. Chủ đầu tư công trình này phải tự tháo dỡ, không bồi thường khi hết thời

hạn sử dụng hoặc khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về đất đai:

- a) Triển lãm ngoài trời, khu vui chơi giải trí ngoài trời, biển quảng cáo, chợ hoa tết.
- b) Các điểm cà phê, giải khát ngoài trời, các điểm kinh doanh phục vụ du lịch.
- c) Công trình phục vụ thể dục - thể thao.

d) Đối với công trình có thời hạn sử dụng dưới 90 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

đ) Đối với công trình có thời hạn sử dụng từ 90 ngày trở lên, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 7. Điều kiện duyệt quy hoạch chi tiết, cấp giấy phép xây dựng và sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ

1. Khi lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết hoặc làm thủ tục giao thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng đối với các dự án có liên quan đến nội dung tại Điều 2 Quy định này, tổ chức, cá nhân, các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải áp dụng mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố.

2. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất để phát triển lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; công tác bồi thường tài sản gắn liền với đất; các trường hợp được cấp hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong hành lang bảo vệ trên bờ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Các công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ trên bờ, kè kiên cố bảo vệ bờ được cấp giấy phép xây dựng, giấy phép xây dựng có thời hạn khi đáp ứng điều kiện, quy trình cấp phép theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định về cấp giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đối với công trình xây dựng kè kiên cố bảo vệ bờ theo tuyến trong đô thị, công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ trên bờ:

- a) Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng công trình từ cấp II trở lên thuộc chức

năng, phạm vi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp, ủy quyền trừ các công trình thuộc chức năng và phạm vi quản lý của Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp, ủy quyền theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV trên địa bàn do mình quản lý.

5. Đối với công trình xây dựng theo tuyến ngoài đô thị và các kết cấu kê theo quy định tại khoản 15 Điều 3 được miễn cấp phép xây dựng.

Chương III

TỔ CHỨC PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ

Có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đo đạc xác định mép bờ cao, lập bản đồ hiện trạng, cấm mốc phạm vi hành lang ven sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao để phục vụ cho yêu cầu quản lý tại Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Xây dựng, công bố, cung cấp thông tin mép bờ cao quy hoạch đối với các tuyến sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tổ chức, cá nhân.

2. Chủ trì xác định phạm vi, công bố và tiến hành cấm mốc hành lang chỉ giới an toàn công trình thủy lợi và đề điều trên các sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

3. Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra và hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác phát hiện, xử lý đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép trên các tuyến sông, kênh, rạch, hồ và ao có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

4. Lập kế hoạch nghiên cứu và tổ chức thực hiện dự án chỉnh trị những đoạn sông kênh, rạch, mương nguy hiểm, nhằm khắc phục tình trạng sạt lở do tác động của dòng chảy, đồng thời đảm bảo chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông

ng nghiệp.

5. Tổ chức thực hiện các công trình kè bảo vệ bờ sông tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao trên các tuyến sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

6. Có ý kiến về vị trí, phương án tuyến công trình trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

7. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở ngành liên quan đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ theo từng đoạn, tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp đối với từng dự án cụ thể để khai thác có hiệu quả quỹ đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

8. Trên cơ sở mép bờ cao đã được Cơ quan thẩm quyền công bố:

a) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên bờ trên địa bàn Thành phố, lấy ý kiến các Sở ngành có liên quan trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Căn cứ vào phạm vi hành lang trong Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ đã được phê duyệt, chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ trên bờ trên bản đồ địa chính đối với các khu vực đã có bản đồ địa chính. Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ phải được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất; cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới hành lang bảo vệ trên bờ sau khi bản đồ địa chính được thành lập.

c) Xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ và thể hiện trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Lập kế hoạch và phương án cắm mốc tại thực địa để xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý làm cơ sở xử lý các vi phạm xây dựng trái phép, lấn chiếm trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ.

đ) Cập nhật thông tin mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố.

9. Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai và các quy định hiện hành trên cơ sở mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được Cơ quan có thẩm quyền công bố.

10. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thuê đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giao thông công chánh

1. Xây dựng, công bố, cung cấp thông tin mép bờ cao quy hoạch và hành lang bảo vệ trên bờ trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước cho các tổ chức, cá nhân.

2. Xây dựng và công bố thiết kế mẫu công trình kè bảo vệ bờ trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước trên địa bàn Thành phố.

3. Lập kế hoạch nghiên cứu và tổ chức thực hiện dự án chỉnh trị những đoạn đường thủy nguy hiểm, có nguy cơ sạt lở nhằm khắc phục tình trạng sạt lở, đồng thời đảm bảo chức năng bảo vệ nguồn nước.

4. Tổ chức thực hiện các công trình kè bảo vệ bờ tại các khu vực có nguy cơ sạt lở trên các tuyến sông, kênh, rạch thuộc chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước.

5. Có ý kiến về vị trí, phương án tuyến công trình trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước cho tổ chức cá nhân khi có yêu cầu.

6. Tổ chức khảo sát, đo đạc, đánh giá diễn biến thay đổi đường bờ sông, kênh, rạch, công bố điều chỉnh mép bờ cao quy hoạch phù hợp với mép bờ cao thực tế trên các tuyến có chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, khai thác.

7. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở ngành liên quan đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ theo từng đoạn, tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy, chức năng thoát nước đối với từng dự án cụ thể để khai thác có hiệu quả quỹ đất trình Ủy ban nhân dân Thành phố

xem xét, quyết định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa đối với các công trình, nhà ở trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ phù hợp với quy định.

2. Cấp phép xây dựng đối với công trình xây dựng kê trong đô thị và công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ trên bờ từ cấp II trở lên theo tuyến trong đô thị, trừ các công trình thuộc chức năng và phạm vi quản lý của Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp, ủy quyền theo quy định.

3. Cập nhật thông tin mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố.

4. Căn cứ trên cơ sở mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố để cung cấp thông tin các khu đất liên quan; có ý kiến, thẩm định đối với các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền; phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình rà soát và điều chỉnh các đồ án quy hoạch liên quan.

5. Trường hợp cần điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ đã được phê duyệt, phối hợp với các Sở ngành chuyên môn liên quan rà soát, đánh giá với các đồ án Quy hoạch có liên quan, góp ý kiến làm cơ sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cập nhật thông tin mép bờ cao và hành lang bảo vệ trên bờ được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố.

2. Cung cấp thông tin mép bờ cao quy hoạch và hành lang bảo vệ trên bờ của các tuyến sông kênh rạch theo chức năng được giao quản lý, khai thác trên địa bàn đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền công bố cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc: xây dựng Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; thể hiện mốc chỉ giới hành

lang bảo vệ trên bờ trên địa bàn theo bản đồ địa chính; xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ sông, suối, kênh, rạch, hồ và ao và các nguồn nước khác trên địa bàn; phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt.

4. Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ trên bờ của các tuyến sông kênh rạch theo chức năng được giao quản lý, khai thác trên địa bàn; thể hiện mốc chỉ giới hành lang bảo vệ trên bờ trên địa bàn theo bản đồ địa chính.

5. Tổ chức xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ trên bờ trên bản đồ địa chính, cắm mốc tại thực địa để xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ theo quy định.

6. Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ trên bờ theo Quy định này, giám sát các hoạt động trong hành lang bảo vệ trên bờ.

7. Tổ chức tuyên truyền để người dân được biết các quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ thuộc địa bàn Thành phố và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý, khai thác theo quy định.

8. Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng kè kiên cố và công trình xây dựng trong hành lang bảo vệ trên bờ trong đô thị cấp III, cấp IV trên địa bàn và thuộc phạm vi do mình quản lý.

9. Cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa công trình trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ trên địa bàn theo Quy định này và pháp luật về xây dựng.

10. Lập kế hoạch và tổ chức di dời khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao, tránh thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố.

11. Tổ chức lực lượng giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với các trường hợp công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng; các hành vi lấn chiếm, san lấp sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc địa bàn quản lý và các các hoạt động khác trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ; công trình xây dựng trên đất không được phép xây dựng và bảo vệ các mốc chỉ giới xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc phạm vi địa bàn quản lý. Có biện pháp tổ chức cưỡng

chế đối với các trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc không tự tháo dỡ, thanh thải theo quy định.

Chương IV **XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP**

Điều 13. Trường hợp đất ở nằm trong hành lang bảo vệ trên bờ của hộ gia đình, cá nhân có nguồn gốc và quá trình sử dụng trước ngày 24 tháng 6 năm 2004

1. Cơ quan thẩm quyền xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và cấp phép xây dựng nhà ở của hộ gia đình và cá nhân để bảo đảm quyền lợi hợp pháp về nhà đất.

2. Riêng đối với trường hợp đất ở có trước ngày 24 tháng 6 năm 2004 nhưng chưa có nhà ở (chưa xây dựng) thuộc phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ nhưng ngoài phạm vi từ mép bờ cao vào trong bờ 20m (đối với sông, kênh, rạch từ cấp I đến cấp IV), không thuộc phạm vi các dự án chỉnh trang đô thị, di dời và tái định cư, cải thiện điều kiện sống cho các hộ dân sống trên và ven sông, kênh, rạch, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cấp phép xây dựng tạo điều kiện về nhà ở cho người dân.

Điều 14. Trường hợp nhà ở hiện hữu tồn tại trên sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao hoặc trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ trước ngày 24 tháng 6 năm 2004

1. Đối với trường hợp nhà ở nằm trên sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao (dạng nhà sàn): Trong thời gian nhà nước chưa thực hiện di dời, cho phép tồn tại theo hiện trạng và được sửa chữa, cải tạo gia cố theo nguyên trạng căn nhà (không thay đổi quy mô, diện tích, kết cấu nhà cũ, có thể thay sàn, mái, vách bằng vật liệu nhẹ như: tấm cemboard, gỗ, tôn...) để chống sập, sạt lở trong trường hợp không ảnh hưởng đến dòng chảy và giao thông thủy.

2. Đối với trường hợp nhà ở thuộc hành lang bảo vệ trên bờ:

a) Trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ tính từ mép bờ cao trở vào đất liền 20m đối với sông, kênh, rạch từ cấp I đến cấp VI và trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ đối với sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao có chức năng thoát nước tại mục 2

khoản 2 Điều 5 Quy định này: cho phép tồn tại theo hiện trạng và được phép sửa chữa, cải tạo theo quy mô hiện trạng nhà cũ (*có thể thay bằng kết cấu mái tôn, ngói; tường gạch*).

b) Trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ nhưng nằm ngoài phạm vi từ mép bờ cao vào trong bờ 20m (đối với sông, kênh, rạch từ cấp I đến cấp IV): được phép sửa chữa, cải tạo theo quy mô hiện trạng nhà cũ hoặc cấp phép xây dựng để xây dựng lại nhà mới với quy mô hai tầng (không kể tầng lửng và mái che thang), chiều cao tối đa 12,2m so với cốt vỉa hè hoàn thiện.

Điều 15. Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng (nằm trong hành lang bảo vệ trên bờ) được phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) trước ngày 24 tháng 6 năm 2004

1. Đối với các công trình đã xây dựng hoàn chỉnh theo Giấy phép xây dựng hoặc theo Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh:

a) Được phép duy trì nguyên hiện trạng theo đúng vị trí và quy mô công trình đã xây dựng theo các cơ sở pháp lý nêu trên.

b) Trường hợp cần giải tỏa, thu hồi đất để xây dựng các công trình khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thì được xem xét bồi thường theo quy định. Đối với các lô đất chưa xây dựng nhà, được phép xây dựng theo giấy phép xây dựng hoặc theo đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc theo dự án đầu tư đã được phê duyệt (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh).

2. Đối với các công trình đang đầu tư xây dựng theo đúng giấy phép xây dựng hoặc đúng quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong thời hạn tiến độ đã được quy định trong giấy phép xây dựng; hoặc trong quyết định duyệt dự án đầu tư; hoặc trong văn bản chấp thuận dự án đầu tư; hoặc trong văn bản kê khai đăng ký tình hình đầu tư của doanh nghiệp đã được chấp nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thì được phép tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng theo đúng quy mô công trình đã được duyệt.

3. Đối với các trường hợp công trình đang đầu tư xây dựng không đúng

giấy phép xây dựng hoặc không đúng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vi phạm hành lang bảo vệ trên bờ và trong thời hạn tiến độ đã được quy định trong giấy phép xây dựng; hoặc trong quyết định duyệt dự án đầu tư; hoặc trong văn bản chấp thuận dự án đầu tư; hoặc trong văn bản kê khai đăng ký tình hình đầu tư của doanh nghiệp đã được chấp nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện: cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, thống kê, báo cáo rõ thực trạng các dự án, công trình, đề xuất biện pháp xử lý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Đối với các trường hợp có hành lang bảo vệ kênh rạch không đảm bảo so với hành lang bảo vệ quy định tại Điều 5 của Quy định này, quy hoạch phân khu được phê duyệt, mà chưa triển khai đầu tư xây dựng công trình: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp chủ đầu tư, các cơ quan chuyên môn có liên quan báo cáo rà soát nội dung đồ án quy hoạch được duyệt, thực trạng dự án, công trình, đề xuất phương án điều chỉnh quy hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định để làm cơ sở triển khai đầu tư xây dựng.

Điều 16. Đối với các Dự án đầu tư xây dựng (nằm trong hành lang bảo vệ trên bờ) có Đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 được phê duyệt sau ngày 24 tháng 6 năm 2004

Tổ chức xây dựng công trình theo đúng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở mép bờ cao quy hoạch và hành lang bảo vệ trên bờ được cấp thẩm quyền công bố. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan thường xuyên tăng cường kiểm tra, kiên quyết xử lý đúng quy định đối với các hành vi lấn chiếm, xây dựng trái phép trong hành lang bảo vệ trên bờ.

Điều 17. Đối với các trường hợp xây dựng công trình kè bảo vệ bờ

1. Đối với các trường hợp xây dựng kè bảo vệ bờ trước thời điểm ngày 24 tháng 6 năm 2004, được tồn tại sử dụng nhằm đảm bảo sự ổn định bờ sông, kênh, rạch; chống xói lở, bảo vệ an toàn công trình xây dựng ven sông, kênh, rạch và được Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật phạm vi, vị trí công trình kè bảo vệ bờ này trong các đồ án quy hoạch liên quan khi tổ chức lập điều chỉnh

quy hoạch.

2. Đối với các trường hợp xây dựng kè bảo vệ bờ sau ngày 24 tháng 6 năm 2004 đến nay, đúng theo vị trí và quy mô đã được cơ quan thẩm quyền thoả thuận, phê duyệt hoặc phù hợp với mép bờ cao quy hoạch, được tồn tại sử dụng, nhằm đảm bảo sự ổn định bờ sông, kênh, rạch.

Điều 18. Đối với việc cấm mốc xác định phạm vi hành lang bảo vệ bờ

Trường hợp trước khi Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực thi hành mà các mốc xác định phạm vi hành lang trên bản đồ địa chính chưa được tiến hành cấm mốc sẽ bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã,
đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông công chánh tại Tờ trình số 919/TTr-SGTCC ngày 24 tháng 3 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1596/BC-STP ngày 06 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành văn bản

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 132/2002/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị từ Sở Giao thông Công chánh cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc Sở Giao thông công chánh, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là cấp Thành phố).
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức (sau đây gọi chung là cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã

- Phân loại đường (đường địa phương) theo cấp quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được xác định theo các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch khác có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Cấp Thành phố quản lý các loại đường bao gồm:
 - Đường cao tốc đô thị, đường trục chính đô thị, đường chính đô thị, đường liên khu vực và đường chính khu vực; Đường huyện đi qua hai địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;
 - Các công trình, hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ gắn với

công trình được giao quản lý.

3. Cấp huyện quản lý các loại đường bao gồm:

a) Đường trên địa bàn theo ranh giới hành chính không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này và toàn bộ vỉa hè trên các tuyến đường theo ranh giới hành chính;

b) Các công trình, hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ gắn với công trình được giao quản lý;

c) Riêng đối với trách nhiệm quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn thành phố Thủ Đức, tiếp tục tổ chức thực hiện theo cơ chế, chính sách đặc thù như hiện nay cho đến khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chủ trương mới về nội dung này.

4. Cấp xã quản lý các loại đường bao gồm:

a) Đường thôn trên địa bàn theo ranh giới hành chính;

b) Các công trình, hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ gắn với công trình được giao quản lý.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan được giao quản lý đường bộ có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giao quản tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (hoặc hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ) để đề nghị giao cho cơ quan mình quản lý (hoặc đề nghị điều chuyển cho cơ quan khác quản lý) theo phân cấp và trách nhiệm quản lý quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Quy định này, gửi Sở Giao thông công chánh tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1107/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục
nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1323/TTr-SGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 31 thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

- Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự số B.B3.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự số A.I.1, A.I.2, B.1, B.2, B.3, B.4, B.5, B.6, B.7, B.8, B.9, B.10, B.11, B.12, B.13, B.14, B.15 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự số A.A1.1, A.A1.2, A.A1.3, A.A1.4, A.A1.5, A.A1.6, A.A1.7, A.A2.1, A.A2.2, A.A2.3 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Thông tư số 15/2021/TT- BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.
2	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Quyết định số 1396/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
3	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dân cấp tỉnh				14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
4	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	16 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>bổ thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động	- 03 ngày làm việc (đối với trường hợp đổi	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	tên doanh nghiệp) - 10 ngày làm việc (đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP)			01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
7	Chia, tách, sáp nhập trung tâm	10 ngày làm việc	Sở Giáo dục và	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.	Cơ quan thực hiện thủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Đào tạo		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 	tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
8	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
9	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
10	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của	07 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố thủ tục 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trường trung cấp tư thực trên địa bàn				<p>hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	
11	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố</p>	<p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thành phố
12	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	Thành phố
13	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề	20 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày</p>	Cơ quan thực hiện thủ tục hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ng nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận				<p>01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	<p>chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</p>
14	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Thông tư số 14/2021/TT- BLĐTBXH</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thực				ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp.	
15	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1396/QĐ-BLĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 	
16	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp. 	
17	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1396/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Bộ 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	
18	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn	21 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định</p>	1. Điều chỉnh thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận				<p>điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động</p>	<p>kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 	
19	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ 	<p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	
20	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>	<p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
21	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>	<p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ</p>	- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
22	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ 	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
23	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 445/QĐ-BLĐT BXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ 	
24	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 445/QĐ-BLĐT BXH ngày 30/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC SỞ CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	- Sở Giáo dục và Đào tạo	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014. - Thông tư số 14/2021/TT- BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ
2	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	- Các Sở chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không	- Quyết định số 1396/QĐ- LĐTĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
3	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc	- Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc các Sở chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức (Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, Thành phố Thủ Đức)	Không	<p>- Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	
2	Công nhận giám đốc	20 ngày làm	Ủy ban	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp năm	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	việc	nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức		<p>2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp. - Quyết định số 158/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/02/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính bị bãi bỏ một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Không	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ 	
2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ	03 ngày làm việc	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công trực	Không	Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức		thuộc quận, huyện, thành phố Thủ Đức		<p>sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi,</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 683/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1132/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chứng thực
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 683/TTr-STP-VP ngày 03 tháng 02 năm 2025 và Công văn số 1916/STP-HT ngày 19 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 27 thủ tục hành chính lĩnh vực trong Chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp, gồm: 03 thủ tục mới ban hành, 03 thủ tục được sửa đổi, bổ sung, 06 thủ tục thay thế và 15 thủ tục bãi bỏ do được thay thế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp rà soát, đánh giá tiêu chí đề cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục thứ tự C.C2.I.4, D.D2.6, D.D2.7 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Tổ chức hành nghề công chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đối với tài sản là động sản); - Tổ chức hành nghề công chứng (đối với tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở).	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
2	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng	- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đối với	50.000 đồng/văn bản	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	tài sản là động sản); - Tổ chức hành nghề công chứng (đối với tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở).		Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND Thành phố về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của
3	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (đối với tài sản là động sản); - Tổ chức hành nghề công chứng (đối với tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở).	50.000 đồng/văn bản	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

B1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp	Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức	10.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

B1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn	50.000 đồng/di chúc	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền áp dụng chung (Các cơ quan, tổ chức lập sổ gốc, Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến	Các cơ quan, tổ chức lập sổ gốc	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức; - Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; - Tổ chức hành nghề công chứng; 	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p> <p>Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; - Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	- Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức; - Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; - Tổ chức hành nghề công chứng;	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trường Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức; - Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; 	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức; 	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn;		ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	- Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố Thủ Đức; - Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn;	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

D. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ (do được thay thế)

D1. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Tổ chức hành nghề công chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (<i>thứ tự B.B1.I.1, B.B1.I.2</i>)	Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được).		
3	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>thứ tự B.IV.1</i>).	

D2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Phòng Tư pháp quận, huyện, thành phố

Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (thứ tự C.C2.I.1, C.C2.I.2, C.C2.I.5, C.C2.I.6, C.C2.I.7).	Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)		
3	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
4	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
5	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
6	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh	

		mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>thứ tự C.II.1</i>).	
--	--	--	--

D3. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định đã công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (<i>thứ tự D.D2.1, D.D2.2, D.D2.8, D.D2.9, D.D2.10</i>).	Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được).		
3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
6	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban	

		nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>thứ tự D.II.1</i>).	
--	--	--	--

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng